

Bài 68. Kinh Tăng Chi | Chương Ba pháp | Phẩm Kusināra | Sư Giác Nguyên giảng 30/05/2018

ÔN BÀI KINH 115

Chúng ta học thật nhanh loạt các kinh trùng sau đây.

Thí dụ hôm qua mình đã học trường hợp ba cái khiếm khuyết, ba cái mất mát, vipatti, là mất mát về giới, mất mát về tâm và mất mát về tri kiến.

Mất mát về giới đây là vi phạm các học giới của cư sĩ hoặc người xuất gia. Nhưng ở đây Ngài nói về cư sĩ thôi.

Mất mát về tâm có nghĩa là sống bằng tâm phiền não. Nó cũng là cái kiểu mất mát.

Thứ ba là sự mất mát về tri kiến. Nói bằng ngôn ngữ của mình, tức là sự mất mát về đức hạnh, mất mát về tâm, về quan điểm nhận thức.

Từ đó đến giờ mình không biết đạo thì chuyện mất mát của mình thường nó dừng lại ở những chuyện rất đời. Thí dụ mất mát về tiền bạc vật chất là một. Mất mát về tiếng tăm uy tín là hai. Mất mát về sức khỏe, nghĩa là bệnh hoạn này nọ, là ba. Mất mát về tình cảm, thí dụ như sanh ly tử biệt, xa người thương, gần người ghét, là bốn. Đây là những mất mát người đời thường coi là lớn chuyện.

Nhưng đối với trong Phật pháp, những mất mát đó đúng là làm tim mình chảy máu, tan nát, nhưng không ghê gớm đẩy mình đi tới chỗ tối tăm của cuộc sanh tử bằng những mất mát mà trong kinh này Đức Phật Ngài dạy.

Thứ nhất là mất mát về đức hạnh.

Dẫu chúng ta có bị mất mát về tiền bạc, tình cảm, tiếng tăm gì đi nữa, nhưng nếu chúng ta có giới hạnh thì chúng ta có xuôi tay nhắm mắt cũng không đến nỗi tệ.

Thứ hai là mất mát về đời sống tâm lý.

Mình thường xuyên sống với các hạnh lành, sống với các đức tánh như từ bi, trí tuệ, chánh niệm, thiền định thì coi như OK. Còn nếu thường xuyên sống bằng tham, bằng sân, bằng si, thích cái này ghét cái kia, theo đuổi cái này trốn chạy cái nọ, tỵ hiềm, ghen ghét, bủn xỉn, ích kỷ, nhỏ mọn, thì đời sống như vậy gọi là khiếm khuyết về tâm lý.

Thứ ba là sự mất mát về quan điểm nhận thức, trong đây gọi là tri kiến.

Có nghĩa là mình không thường trực sống trong chánh kiến về nhân quả nghiệp báo. Cái này quan trọng lắm.

Nhiều và rất nhiều người chỉ là Phật tử trên nhãn hiệu thôi. Đi chùa, có một sư phụ trao cho cái pháp danh, làm cho cái lễ quy y, nếu được thì đưa cho cái giới điệp, cái chứng chỉ đã thọ giới, đã quy y, thì đem về treo trong nhà cho nó sang. Chớ còn đi chùa mấy chục năm, giáo lý căn bản không có học, cứ tưởng mình là Phật tử mình có chánh kiến. Tôi xin thưa đó là chiêm bao giữa ban ngày.

Các vị không tin, tôi xin chứng minh: các vị nghĩ rằng đã hiểu về nghiệp báo đúng không? Xin thưa, chưa chắc đâu! Bởi vì nếu các vị có một niềm tin, có một nhận thức, có một cái hiểu biết đàng hoàng về nghiệp báo thì các vị đã không sống theo cái kiểu mà xưa giờ các vị đã và đang sống. Tự mình hỏi lòng mình đi, nghe. Tôi không cần các vị phải cãi chày cãi cối ở đây, nghe!

Tôi xin nhắc lại, cái khiếm khuyết hay mất mát về tri kiến là có hai cái nhận thức sau đây chúng ta không được trang bị:

Một là nhận thức về nghiệp lý, về luật nhân quả. Chúng ta không chịu nhớ rằng trong từng phút trôi qua, ta phải chịu trách nhiệm hoàn toàn với những gì mình nói, làm và suy nghĩ. Không có một hành động, một suy nghĩ, một câu nói nào mà không để lại một hậu quả tốt hay là xấu. Chuyện đó không bao giờ có.

Ở phàm phu, không có một hành động, một lời nói, một suy nghĩ nào không để lại hậu quả tốt hoặc là xấu, mà đa phần là xấu. Mình học, mình nói mình biết, nói ra thì ai cũng nói biết hết trơn. Nhưng cái biết của mình là cái biết của đứa con nít, nghe người ta nói, bắt chước nói theo; chứ còn sống trong nhận thức luật nhân quả thì chưa.

Bằng chứng là nếu các vị thường trực sống trong nhận thức về luật nhân quả thì rõ ràng mình không có kiểu sống như mình đã và đang đâu quý vị. Nhớ cái này nghe, quan trọng lắm!

Thứ hai là trí tuệ về tam tướng. Khi mình có trí tuệ về luật nhân quả thì tự nhiên, đương nhiên bước thứ hai phải là trí tuệ về tam tướng.

Là sao? Nhân nào thì quả nấy. Nếu có chuyện nhân nào quả nấy thì nó dẫn tới cái luật thứ hai là không có cái gì còn hoài không mất. Luật một dẫn tới luật hai. Chính vì nhân nào quả nấy nên chúng ta có lúc thiện lúc ác. Thiện thì tạo ra hỷ lạc, là sự sung sướng về thân, về tâm. Còn ác thì tạo ra khổ ưu, là sự đau khổ về thân, về tâm.

Nếu có luật nhân nào quả nấy thì dẫn tới luật hai là chúng ta lúc vậy lúc khác, lúc thiện lúc ác, lúc buồn lúc vui. Hành giả tu tập Tứ niệm xứ luôn luôn nhớ như vậy: “Ta luôn luôn sống trong dòng chi phối của nhân quả”.

Bởi vậy nói về tri kiến, nhiều người không tin. Họ không tin có đời này kiếp sau, có nhân thiện nhân ác. Hôm qua tôi có giải thích, tà kiến là không tin có đời này, có đời sau; không tin có mẹ; không tin có cha; không tin có hạng hóa sanh; có thánh nhân ở đời.

Thế nào là không tin có bố thí, có sự cúng tế?

Chính vì chúng ta không biết nghiệp báo, không biết nghiệp lý nên ta không nghĩ rằng chuyện mình giúp đỡ ai đó nó đem đến quả phúc cho đời sau. Khi mình không tin chuyện này thì một là mình làm biếng, mình sống không trách nhiệm với tha nhân.

Nhiều khi mình không nhiều lòng vị tha lắm, nhưng ít ra còn nghĩ đến đời sau kiếp khác, mình còn gieo trồng cội phúc.

Còn đảng này không tin có kiếp sau kiếp trước, không tin chuyện bố thí đem lại quả báo, không tin chuyện cúng bái. Mình là Phật tử, không mê tín dị đoan, tuy nhiên mình cũng không nên nhắm mắt nhắm mũi bài bác, bài xích, phủ nhận chuyện cúng bái.

Bởi vì đúng là những loài chúng sinh, thiên thần, ác quỷ gì đó không ăn được đồ mình cúng, nhưng mình biết nghĩ tới họ. Như Khổng Tử nói tới quỷ thần thì “kính nhi viễn chi”. Có nghĩa là ta có thể không thích, không sợ, có thể cúng hay không cúng, nhưng lòng cũng phải biết nghĩ tới họ. Mình không tin ông Tà, ông Táo như kiểu coi họ là người ban phúc tha tội, cái gì cũng cầu đảo khẩn vái, nhưng mình cũng không nên phủ nhận sự hiện hữu của họ trong trời đất này.

“Nhứt phá sơn lâm, nhì thâm Hà Bá”. Phá sơn lâm là phá rừng, đốn cây. Sống theo sông rạch, đào nương, đào ao, phạm vào long mạch, vào chỗ ở của vị này vị kia, hai nghề đó rất là tổn đức.

Tôi nhắc lại, mình không tin chuyện mê tín dị đoan, tà ma quỷ mị, nhưng mình không nên phủ nhận sự tồn tại, hiện hữu, sự có mặt của những loài khuất mặt khuất mày, những loài vô hình, siêu hình chung quanh mình đầy dẫy ra đó.

Cho nên cái tà kiến đầu.

Đầu tiên là không để ý, không lưu tâm, không tin vào quả báo đời sống chia sẻ, không tin vào sự tồn tại của quỷ thần, không tin vào các nghiệp thiện ác. Cứ cho rằng thích thì làm, chết rồi là hết, bày đặt thiện ác làm gì cho rồi!

Còn “không tin có đời này, không tin có đời sau” là phải hiểu theo một loạt, không thể tách riêng từng cái mà hiểu.

“Không tin đời này” có nghĩa là không tin những gì đang diễn ra đời này là do đời trước mà có.

“Không tin đời sau” có nghĩa là không tin rằng những gì mình đang tạo ra bây giờ nó sẽ để lại di chứng cho kiếp lai sinh. Các vị có nghe kịp không? Từ chỗ này về sau, đoạn kinh này lặp đi lặp lại rất nhiều lần.

Rồi “không tin bố thí” tức là không tin những cái đời sống vị tha đem lại quả lành.

“Không tin có lễ hiến sinh” tức là không tin chuyện cúng tế, tức là phủ nhận sự có mặt các loài tà, mị, quỷ thần. Mình không tin họ một cách cuồng tín, nhưng mình cũng không nên phủ nhận chuyện ăn ở biết điều đối với họ.

Cái tà kiến tiếp theo là không tin vào chuyện thiện ác.

Còn “không tin đời này, không tin đời sau” có nghĩa rằng không tin những gì ở đời này là quả của đời trước. Không tin rằng đời sống thiện ác đời này là nhân cho đời sau.

“Dục tri tiền thế nhân. Kim thân thọ giả thị. Dục tri lai thế quả. Kim thân tác giả thị.”

Muốn biết đời trước ta ra sao, nhìn đời này ta đang thế nào. Muốn biết kiếp sau ta thế nào, nhìn bây giờ ta đang sống ra sao. Đấng này họ không tin bài đó nên mới có chuyện không tin đời này, đời sau.

Còn “không tin có mẹ có cha”, theo Chú giải, có nghĩa là mình không hề biết rằng cha mẹ mình cũng là do nhân thiện ác của họ đời trước mà có mặt ở đây. Còn những người đoạn kiến, duy vật, vô thần, họ nghĩ cha mẹ họ là chỉ một lần duy nhất có mặt ở đời này và sanh ra mình. Rồi mình cũng chỉ có một lần duy nhất có mặt ở đời này, chết rồi là hết; mình không từ đâu tái sanh lại và cũng sẽ không đi về đâu hết, mà chỉ sống một lần này thôi.

Các vị nghe kỹ chỗ này nghe, tôi nhắc lại. “Không cha không mẹ” đây có nghĩa là mình không biết rằng cha mẹ mình cũng từ vô lượng kiếp sanh tử mà tới đây. Rồi sau kiếp này họ cũng tiếp tục lăn trôi vô số kiếp nữa. Mình cũng vậy, mình cũng từ vô số kiếp mà tới đây. Mình cũng từ vô số kiếp làm cha làm mẹ của ai đó. Từ vô số kiếp về trước, mình từng là con, là cháu, là em, là út của ai đó. Và hết kiếp này, nếu không chứng quả La-hán thì mình tiếp tục làm cha làm mẹ, làm con làm cái của người khác nữa. Đó là chánh kiến.

Còn đấng này mình không tin điều đó, tưởng cha mẹ mình chỉ một lần xuất hiện ở đây rồi là xong. Hoặc là mình cũng vậy, mình cũng chỉ một lần xuất hiện ở đây là xong. Thì cái tà kiến này được gọi là “không tin mẹ, không tin cha”.

Tà kiến tiếp theo là “không tin các loài hóa sanh”, có nghĩa mình luôn luôn nghĩ rằng mọi thứ ở đời luôn có mặt trong điều kiện sinh học, chứ không thể nào có tình trạng đột hiện đột biến, dùng một cái xuất hiện. Mình không tin vậy nhưng chuyện đó là có, nghe!

Bởi vì các nhà khoa học giờ đang rối đầu, họ không biết nguồn gốc con người ở đâu mà ra. Trước đây có một thời người ta tin vào chuyện Chúa Trời, tin vào cộng xương sườn số 7 của A-đam, Eva. Tin vào cuộc tình A-đam, Eva trong vườn địa đàng. Sau đó họ tin vào thuyết tiến hóa của Charles Darwin. Đến bây giờ họ thấy cả hai thuyết đó không xài được.

Vậy thì con người từ đâu mà ra? Đây là một dấu hỏi cực lớn. Cho đến bây giờ các nhà khoa học vẫn đang ôm đầu ngửa mặt nhìn trời mà khóc, chứ cũng không trả lời được. Vì họ không bao giờ có thể tưởng tượng được rằng những con người đầu tiên trên trái đất này không hề nhờ cậy đến một điều kiện sinh học nào hết để có mặt, mà họ tự nhiên có mặt theo cái trong kinh gọi là phép hóa sanh. Có nghĩa là từ cõi Phạm thiên, họ chết rồi có mặt ở đây. Có nghĩa là tổ tiên đầu tiên của con người là hóa sanh.

Chính vì khoa học không biết được chuyện này nên họ bối rối. Họ truy tìm nguồn gốc con người theo kiểu cái trứng có trước hay con gà có trước. Đó là cái kiểu mệt mỏi, chính vì họ không tin trường hợp tự nhiên xuất hiện. Họ cứ bị ám ảnh bởi điều kiện sinh học. Họ nghĩ phải có các điều kiện sinh học thì mới có sự có mặt của các loài động vật lớn bé trên đời này. Đây là một điểm độc đáo của đạo Phật.

Tiếp theo, “không tin vào các bậc hiền thánh ở đời”, có nghĩa là mình đầu đầy rác nên không hiểu rằng trên đời có những người mà họ không thích cái gì, cũng không ghét cái gì, ai họ cũng thương, cái gì họ cũng buông bỏ. Và sau đời sống này họ không còn tái sinh nữa. Những người đó có khả năng truyền dạy con đường giải thoát cho kẻ khác.

Khi mình không tin trên đời này có sự tồn tại những người như vậy, đó cũng là một thứ tà kiến. Không tin vào những vị sa môn, Bà-la-môn chánh hướng, chánh đẳng, tự mình có thăng trí giác ngộ, tự mình truyền dạy cho đời này, đời sau. Có nghĩa là không tin sự hiện hữu, tồn tại của các bậc hiền thánh ba đời mười phương. Đây cũng là một thứ tà kiến.

Như vậy mình thấy Đức Phật Ngài dạy trên đời này có nhiều thứ mất mát lắm. Mất mát về tiền bạc, tình cảm, tiếng tăm, danh vọng, quyền lực. Rồi mất mát về đạo hạnh, quan điểm nhận thức, về đời sống tâm linh. Ngài dạy trong tất cả những mất mát ấy có ba cái mất mát quan trọng nhất. Đó chính là sự mất mát hay khiếm khuyết về đức hạnh, về đời sống tâm linh, về quan điểm nhận thức.

Tôi không chê bản dịch của các tiền bối, nhưng theo tôi nếu cần thì ta nên dùng ba chữ mới cho hợp với ngày nay. Ba cái khiếm khuyết đây:

Một là khiếm khuyết về đức hạnh.

Hai là về đời sống tâm linh, tâm lý.

Ba là về quan điểm nhận thức.

Tiếp theo là bài kinh 116, cũng y như vậy, tức là nói về giới, về đức hạnh, tâm lý và quan điểm nhận thức.

Bài kinh 117

Ở bài kinh tiếp là 117, Ngài không nói như ở bài 115 và 116 mà Ngài nói theo cách khác, vì trước mặt Ngài, đối với thằng Tèo nói khác một chút, mà với thằng Tý thì nói khác một chút.

Với thằng Tèo, Ngài chỉ cần nói: “Con nhớ nghe, trong tất cả các mất mát ở đời, mất mát về đức hạnh nè, về đời sống tâm lý nè, về quan điểm nhận thức là quan trọng lắm nghe!”

Nhưng tới thằng Tý, Ngài nói như vậy không có hợp. Cho nên Ngài nói cách khác: Có ba cái mất mát quan trọng nhất trong đời chúng sinh: một là mất mát về cách sống, cách hành động. Thứ hai là mất mát trong kiểu kiếm sống, sanh kế.

Thứ ba là mất mát trong quan điểm nhận thức.

Ngài giải thích thế nào là mất mát về cách sống. Cái này học rồi. Có nghĩa là sát sanh, trộm cắp, tà dâm, nói lời độc ác. Nói chung là thân nghiệp, khẩu nghiệp không OK, bất thiện, thì được gọi là cách sống bị khiếm khuyết.

Mất mát về kiếm sống có nghĩa là hàng xuất gia hay cư sĩ phải có kiểu kiếm sống giống nhau; có nghĩa là hợp với Đạo, thuận với đời, là cách kiếm sống theo chánh pháp.

Hợp Đạo thuận đời là người xuất gia luôn trang nghiêm hạnh lành. Đối với đời sống người tu sĩ, mình tròn trách nhiệm thì tự nhiên người có tóc họ tới họ nuôi. Cái đó được gọi là kiểu kiếm sống thanh tịnh. Còn ngoài ra mình bày trò này trò kia thì gọi là tà mạng.

Còn đối với hàng cư sĩ, thì tà mạng có nghĩa là sanh kế hay kiếm sống bất thiện. Trong Kinh ghi rất rõ, có nghĩa là buôn gian bán lận, cân thiếu cân thừa, gian trá. Mặt hàng mình bán buôn trao đổi gồm những thứ hại người. Trong Kinh ghi rõ: “Người cư sĩ không nên buôn bán thịt sống, cá sống, buôn bán nô lệ, môi giới buôn bán thân xác phụ nữ. Buôn bán những thứ hại người như chất gây nghiện, vũ khí, thuốc độc”.

Nghĩa là người xuất gia cứ luôn làm tròn trách nhiệm người tu thì tự nhiên người có tóc sẽ tìm tới hộ trì. Ngoài cách sống duy nhất này ra thì tất cả đều là tà mạng hết.

Còn đối với người cư sĩ thì cố tránh không làm nghề gì hại đời hại người, làm tổn hại sinh mạng chúng sinh, đều coi chung là tà mạng hết, nói gọn là để lại nước mắt cho người khác. Thí dụ cư sĩ bán cá, gà sống hay nuôi, nuôi cũng không được, như nuôi gà, cá, heo, bò để lấy thịt bán đều là tà mạng. Bán chất kích thích, gây nghiện, gây ảo giác là tà mạng. Bán vũ khí, thuốc độc cũng là tà mạng. Rất nhiều kiểu, nhưng gom chung tà mạng là kiếm sống kiểu nào mà làm cho chúng sinh khác bị đau khổ, dầu đó là người hay vật.

Bài Kinh Thanh Tịnh

Thanh tịnh là sạch sẽ. Trên đời có nhiều cái sạch sẽ: nhà cửa, thân thể, áo quần, môi trường sạch sẽ, trong lành. Nhưng Đức Phật Ngài kể có ba thứ sạch sẽ sau đây sẽ làm cho thế giới cùng lúc được sạch sẽ, thiên hạ được sạch sẽ. Còn tất cả những thứ thanh tịnh, sạch sẽ khác thì nó không được như vậy, nó chỉ có tác dụng, có lợi ích, có giá trị trong một thời gian, không gian, bối cảnh, môi trường đặc biệt nào đó mà thôi.

Duy chỉ có ba thứ sạch sẽ sau đây mới đem lại cho thế giới, cho mình, cho người nọ cười, đem lại sự an lạc đời này và kiếp sau. Đó là thân thanh tịnh, khẩu thanh tịnh và ý thanh tịnh.

Thân thanh tịnh là không có làm gì hại người.

Khẩu thanh tịnh là không nói gì hại người.

Ý thanh tịnh là không sống với những tư duy hại người.

Bài Kinh 119 cũng vậy. Cũng là ba cái thân thanh tịnh, khẩu thanh tịnh và ý thanh tịnh. Nhưng đây có khác một chút.

Ở Kinh 118 thì ý thanh tịnh là không tham, không sân, không tà kiến. Riêng trong Kinh 119 thì thân thanh tịnh, khẩu thanh tịnh y chang Kinh trên, nhưng ý thanh tịnh đây là chánh niệm và trí tuệ, quán chiếu nội tâm để biết rõ mình đang có năm triền cái hay không.

“Vị ấy sống với trí tuệ và chánh niệm để biết rõ trong nội tâm mình hiện giờ có hay không có năm thứ triền cái, tức là năm thứ phiền não ngăn che thiên định và thiên quán.”

Thứ nhất là tham dục. Tức là sự đam mê thích thú hưởng thụ ở trong năm dục, cái đó được gọi là dục triền cái. Chỉ riêng cái phiền não này, mong đợi hưởng thụ và kiếm tìm năm trần, chiếm bao nhiêu phần trăm thời gian của chúng ta trong một ngày đêm. Luôn luôn hành giả biết rõ là ta có đang sống với tham dục hay không.

Thứ hai, hành giả biết rõ là tâm ta hiện giờ có đang sân triền hay không. Tức là đang sống với sự bất mãn trong năm trần hay không. Ta có đang giận, ghét, sợ, tiếc của, ghen tị... hay không.

Thứ ba là hành giả biết rõ mình có đang sống trong hôn thụ hay không. Hôn thụ là hôn trầm và thụ miên. Hôn trầm là lười biếng, đã dười, vật vờ, không muốn làm gì hết. Còn thụ miên đây là buồn ngủ. Hôn thụ là đã dười, lười biếng, tiêu cực, thụ động và buồn ngủ. Nếu mình không có vậy mình biết, mà nếu mình bị rơi vào các cảm giác này mình cũng biết.

Cảm giác biếng lười và buồn ngủ cũng là một thứ phiền não. Các vị thánh cũng có mệt mỏi, cũng có lúc cần ngủ. Nhưng cần đây là khi gượng không nổi thì họ mới chìm vào giấc ngủ. Chớ họ không thấy sung sướng, không đam mê trong chuyện ngủ

ngủ, không nghĩ tưởng tới ngủ nghỉ bằng cảm giác tham thích như phàm phu. Nhớ cái đó! Vị thánh họ chỉ ngưng việc, buông việc khi kiệt sức, khi cơ thể sinh lý họ không chịu nổi nữa, chứ không phải ngưng khi họ làm biếng vì buồn ngủ, vì không muốn làm nữa như chúng ta. Lúc đó tâm lý nó đi trước, nó làm biếng, nó muốn nghỉ ngơi, đó là hôn thụy.

Phiền não thứ tư là trạo hối. “Hối” là tưởng, tiếc chuyện quá khứ, lòng không yên, cứ ray rứt, thao thức những chuyện mình đã làm, chưa làm, những kế hoạch, trù hoạch, sắp hoạch. Thí dụ tiếc vì hồi nãy trước khi đi không đem đồ phơ vô nhà, lỡ mưa thì làm sao? Đó cũng là cái “hối”. Còn “trạo” là lằng xằng lằng xằng, nhớ tưởng chuyện này chuyện kia, không có tập trung.

Đời sống mình là một chuỗi dài những năm tháng đầy ắp những chuyện tưởng tiếc. Tôi nhớ thầy Triều Tâm Ảnh có một câu là: “Ôi kiếp người sao cứ mãi ăn năn” là như vậy. Cuộc đời mình, trừ ra mình vô tâm quá, mình súc vật quá, chứ còn nếu thành phần “người” nhiều hơn phần “con” thì suốt cuộc đời mình liên tục tiếc nuối: “Tại sao cái chuyện đó mình lại làm, tại sao cái chuyện đó mình lại không chịu làm, tại sao mình lại nghĩ như vậy?...”

Người hành Đạo lại khác. Mình có khả năng biết cái gì nên và không nên. Mình biết chuyện đó lẽ ra nên làm hoặc lẽ ra không nên làm. Nhưng mình không nghĩ về nó bằng cái niềm ray rứt để rồi tự làm khổ mình. Mỗi lần nhớ về nó mình chỉ ghi nhận nó như một bài học, một kinh nghiệm đắng cay để mà không như vậy nữa. Cái này gọi là “Sám tiền khiên, hối hậu quá”, nghĩa là nghĩ tới lỗi cũ để sau này không phạm lỗi mới.

Còn người không hiểu được điều này, ăn rồi ray rứt, chỉ tự làm khổ mình, làm tim rĩ máu. Mà tưởng sao, ray rứt đó để mai một tái phạm nữa, phạm y như cũ, thì đó là đồ vất đi!

Phiền não thứ năm là nghi. Nghi là sự hoang mang nghi hoặc, ngờ vực không có dứt khoát. Mình làm gì, trong A-tỳ-đàm nói có một tâm sở là adhimokkha, có nghĩa là thẳng giải, mà nó có nghĩa là dứt khoát.

Adhimokkha có nghĩa là dứt khoát. Sau khi trí tuệ chọn lọc, có trạch pháp, biết cái này nên làm hoặc là không nên làm, thì phải cần cái tâm sở nữa là tâm sở “dứt khoát”. Tiếng Hán là “thẳng giải”, dịch sát chữ adhimokkha nghĩa là sự dứt khoát.

Nghĩa là sau khi trí tuệ giúp cho mình chọn lọc cái gì nên thì mình làm, cái gì không nên thì mình tránh. Mà sau khi mình đã chọn rồi thì lòng không phân vân, không nghi hoặc.

Cái khổ nhất trong đời sống này là lòng không có yên, tiếng Pali là dvedhā. Dvedhā là “hai phần”, tiếng Hán dịch là “lưỡng lự”. Dvedhā cũng có nghĩa là sâu tằm, nó có hai nghĩa, nghĩa tốt và nghĩa xấu. Nghĩa tốt là sự cân nhắc, nghĩa xấu là sự lưỡng lự. Trong room mình có phân biệt giữa “lưỡng lự” và “cân nhắc” không ta? Một bên là “phân vân, lưỡng lự”, một bên là “cân nhắc, cẩn trọng” nhé! “Phân vân, lưỡng lự” là chuyện không nên có, là cái xấu. Nhưng “cân nhắc, cẩn trọng” nó là chuyện khác. Mà ở đây khi nói tới phiền não là mình phải nói tới “phân vân, lưỡng lự”:

“Bâng khuâng đứng giữa hai dòng nước,
Chọn một dòng hay để nước trôi.”

Trong đời sống mình hay bị bỏ lỡ nhiều cơ hội vì mình không có được sự cả quyết, không có chủ kiến, không có được lập trường rõ ràng, cứ lan man, lơ mơ. Cho nên thứ phân vân lưỡng lự cũng là một thứ phiền não. Khi mình sống thiếu trí tuệ thì mình không có sự chọn lọc thông minh, từ đó thiếu đi tính cả quyết.

Thì hành giả luôn luôn đủ niệm và tuệ để biết rõ là tâm mình có bị làm khổ bởi năm thứ phiền não vừa kể hay không. Nếu xét thấy có thì biết liền, không có cũng biết liền. Nếu tâm không có bị năm cái này thì tâm gọi là tâm thanh tịnh. Nhớ nhé!

BÀI KINH TOÀN HẢO

Bài Kinh Toàn Hảo thì cũng y chang vậy.

Hoàn hảo thì có ba cái hoàn hảo: hoàn hảo về thân, hoàn hảo về khẩu và hoàn hảo về ý.

Hoàn hảo về thân là thân nghiệp tốt đẹp, không làm gì hại người hại mình, chỉ làm gì lợi mình lợi người đời này đời sau.

Hoàn hảo về khẩu nghiệp là không nói cái gì hại mình hại người đời này đời sau. Chỉ nói những gì lợi mình lợi người đời này đời sau.

Hoàn hảo về ý nghiệp có nghĩa là vị tỳ kheo chấm dứt hoàn toàn tất cả phiền não để không còn sanh tử luân hồi nữa.

Tùy Kinh, tùy đối tượng, tùy căn duyên của người trước mặt mà Đức Thế Tôn nhằm đến cái định nghĩa khác nhau. Có chỗ Ngài nói thanh tịnh ý nghiệp là sao, có chỗ thì nói thế này, có chỗ nói thế khác, miễn là người ta nghe, người ta hiểu và người ta được tiến bộ.

BÀI KINH KUSINARA

Bài Kinh này gọn thôi. Ý là thế này. Đức Phật Ngài dạy vị tỳ kheo nào khi được cuộc đời đối xử tốt đẹp, dễ thương, trọng thị, cư sĩ tốt; tốt là tốt, nhưng nếu mình tiếp tục có lòng mong đợi được như vậy nữa trong đời sau, Ngài dạy đây là chuyện không nên.

Vị tỳ kheo giống như một con ong tìm đến đóa hoa, nghĩa là chỉ lấy đủ được phần mật mình cần, giúp cho hoa thụ phấn, và lấy đi một chút mật của hoa rồi lại đi. Chứ không làm tổn hại tới hoa, cũng không có lòng trông đợi là ta sẽ quay trở lại cái hoa này lần nữa. Bữa nào biết bữa đó, công việc sáng biết sáng, công việc chiều biết chiều. Đó là cái hạnh của tỳ kheo.

Nghĩa là hạnh của tỳ kheo đối với cư sĩ giống như con ong đối với hoa vậy. Lấy mật của hoa chỉ phần vừa đủ và giúp cho hoa thụ phấn là thôi. Vị tỳ kheo khi được đời dài ngộ cúng dường mà có lòng mong đợi nhiều hơn nhu cầu thì trong trường hợp đó cả người cư sĩ và vị tỳ kheo công đức không nhiều. Vì sao? Là vì họ đã trọng thị, dài ngộ, cúng dường, lễ bái một người đa tham đa dục.

Ngài dạy rằng muốn cho công đức của thí chủ lớn hơn, muốn cho việc nhận lễ phẩm của mình được thanh tịnh vô tội thì vị tỳ kheo chỉ có một con đường duy nhất là nhận một lần này mà không có lòng nghĩ đến lần sau nữa.

Tôi nhắc lại, ý nghĩa bài Kinh này: Khi vị tỳ kheo được lễ bái cúng dường, nhận lễ bái cúng dường mà với lòng mong đợi lần hai, lần ba nữa thì coi như bản thân mình có lỗi và cũng làm tổn giảm công đức của người thí chủ.

Nhưng ngược lại, nếu vị tỳ kheo nhận như vậy mà lòng không mong được lần hai, lần ba, và chỉ nghĩ đến chuyện làm sao từ sự hỗ trợ này mình nhanh chóng diệt trừ được phiền não, chấm dứt sanh tử, thì lúc đó bản thân mình không lỗi mà còn giúp người khác được công đức.

BÀI KINH TRANH LUẬN

Bài Kinh Tranh Luận, Đức Phật Ngài dạy bất cứ nơi nào mà các vị tỳ kheo sống bằng tà tư duy thì dứt khoát nơi đó khó có sự đoàn kết, khó có sự đồng thuận, sự hòa hợp. Bởi vì sự hòa hợp, đồng thuận và đoàn kết chỉ có ở hội chúng tỳ kheo nào, ở đây mình hiểu ngầm là trong cư sĩ luôn, nghĩa là bất cứ hội chúng nào mà từng người trong đó luôn sống trong tà tư duy thì coi như hội chúng đó bị mâu thuẫn, bị rạn nứt, xung đột liên tục.

Các vị tưởng tượng thế giới này là thế giới của cộng hưởng, cộng sinh, cộng trú, hợp tác; thế giới của sự đồng thuận, sự đoàn kết. Thế giới này có ai có thể sống một mình và phủ nhận toàn diện sự tương quan liên thông với người khác? Cái đó không có.

Thí dụ một anh gác hải đăng ngoài đảo thì mỗi tháng ảnh cũng phải vào bờ để mua sắm bao nhiêu nhu yếu phẩm. Cho nên chuyện cộng sinh, hợp tác là đương nhiên, bắt buộc, tất yếu trong cộng đồng tồn tại của nhân loại.

Có một điều Ngài dạy: ở cộng đồng nào, đám đông nào, một tập thể, đoàn thể nào mà các cá nhân trong ấy luôn sống bằng ba thứ tà tư duy sau đây thì chắc chắn rằng đoàn thể đó, cộng đồng đó đã, đang và sẽ rạn vỡ, mâu thuẫn, tương tranh và xung đột.

Ngài nói ở hội chúng tỳ kheo nào mà sống bằng tà tư duy, Ngài biết liền, biết rằng hội chúng này chắc chắn sẽ rạn nứt, xung đột. Và khi Ngài nhìn thấy một hội chúng rạn nứt, xung đột thì Ngài biết rằng hội chúng này họ đã sống bằng ba thứ tà tư duy. Ba tà tư duy đó là: dục tư duy, sân tư duy và hại tư duy.

Các vị nhìn trong Kinh sẽ thắc mắc Kinh nói một đường tôi giảng một nẻo. Do tôi chọn cách giải ngược với kiểu ghi trong Chánh Kinh. Có nghĩa là khi Đức Phật nhìn thấy một hội chúng tương tranh, xung đột, rạn nứt thì Ngài biết họ đã lìa bỏ ba chánh tư duy. Ba chánh tư duy đó là: viễn ly tầm, vô sân tầm và bất hại tầm. Còn ba pháp mà họ làm quá nhiều là ba tà tư duy: dục tầm, sân tầm và hại tầm.

Viễn ly tầm

Tà tư duy là dục tầm.

Viễn ly đây tiếng Pali kêu là nekkhamma, ly dục. Cùng lo một việc thì sẽ thương quý nhau, cùng thích một món thì sẽ thù ghét nhau. Đây là luật vũ trụ.

Khi mà từng cá nhân trong một đoàn thể hội chúng sống bằng cái tâm ham muốn, kiếm tìm, mong đợi, hưởng thụ các dục, thì đương nhiên và dứt khoát hội chúng đó sớm muộn gì cũng có sự tương tranh, mâu thuẫn, xung đột.

Nếu một hội chúng nhắm đến sự viễn ly, thiếu dục tri túc, thì mới có thể có chỗ cho sự đoàn kết, đồng thuận. Kinh nói: bởi cái cửa ra vào của mỗi căn nhà luôn có cái kích thước cố định, nhưng lòng tham của mỗi người là vô hạn, vô lượng và không có

biên giới. Mỗi người mà có một sở dục, niềm đam mê, thích thú, hưởng thụ khác nhau và vô giới hạn thì nhà nào chứa nổi!

Chỉ có người sống ở đời bằng hai cánh tay buông thông và hai bàn tay mở rộng, mở xòe, tiếng Hán là “thùy thủ nhập thị”: thông tay vào chợ. Đó là tư cách sống gọn nhẹ, thoải mái nhất ở đời. Còn khi hai tay vươn lên, khuỳnh ra, ôm cái này, cầm cái kia là con người đang trong tình trạng hoạt động. Nhưng riêng tình trạng thông tay, bàn tay xòe ra, tức là không cầm nắm, không hoạt động, chính là tư thế thoải mái nhất của con người.

Ở đây cũng vậy. Ly dục đây có nghĩa là từng người trong đám đông sống thông tay, xòe bàn tay, không chấp giữ cái gì hết, thì cửa nào mình vô cũng lọt, và không gian nào mình cũng có thể chen chúc mà sống với nhau. Còn đấng này mình cùng thích tùm lum trong năm dục thì dứt khoát không có không gian nào chứa được. Cũng không có cánh cửa nào cùng một lúc vào lọt với nhau.

Sân tâm

Chánh tư duy là vô sân tâm.

Dục tâm là niềm đam mê trong năm dục. Còn sân tâm có nghĩa là mình thường sống với sự bất mãn trong năm dục.

Bất mãn là sao?

Ghét, sợ, thù, tiếc của, ghen tị, tất cả đó đều là sân tâm. Trong A-tỳ-đàm gọi là sống bằng tâm sở sân phần.

Khi còn bất mãn trong năm trần thì chúng ta khó bề ở chung với nhau trong một không gian. Cùng thích một cái là đã không ở chung được, mà cùng bất mãn trong năm trần chúng ta cũng không thể. Bởi mỗi người đều tìm cách đẩy ra, đều cầm cây, cầm cào, cầm cuốc đẩy ra thì không gian nào mà chứa nổi.

Cho nên một đám người mà ai cũng thích ôm ấp, cố thủ thì làm sao cùng vào một căn nhà. Còn một đám người ai cũng tay đẩy về phía trước với sự bất mãn, trốn chạy, thì cũng làm sao ở chung với nhau được. Cho nên dục tư duy là cùng ham thích trong năm dục. Sân tư duy là cùng bất mãn cái gì đó.

Hại tư duy

Còn hại tư duy là ý niệm đập phá, tiêu hủy trong năm dục đối với người, với vật.

Tôi cũng ít thấy, hiếm thấy lời giải thích về ba tà tư duy này mà thuận ứng với lý Kinh. Cho nên tôi cũng mượn chỗ này giải thích lại cho bà con ba tà tư duy là gì.

Dục tư duy là niềm đam mê trong năm trần, năm dục.

Sân tư duy là sự bất mãn trong năm dục.

Còn hại tư duy là ý tưởng tàn phá, tiêu hủy, phủ nhận, chà đạp, giày xéo trong năm dục. Một vị thánh không có ý tưởng đập nát, bẻ gãy, đốt cháy cái gì hết. Những cái đó là biểu hiện của hại tư duy, dầu đối với người hay đối với vật.

Một người mà sống không với cái dục tư duy thì không thích vợ vét, quơ quào, kiếm tìm, tích lũy, cất chứa.

Một người không sống với sân tư duy là không bất mãn, không xô đẩy, trốn chạy cái gì.

Một người không sống với hại tư duy là người luôn sống với bàn tay nhẹ nhàng, với ánh mắt từ ái, bao dung, không có ý đập phá, giày xéo, chà đạp, phủ nhận cái gì hết.

Trong A-tỳ-đàm, viễn ly tâm chính là tâm sở vô tham, vô sân tâm chính là tâm sở vô sân, còn cái bất hại chính là tâm sở bi. Ai học A-tỳ-đàm thì biết trong 19 tâm sở tịnh hảo, trong đó có 2 tâm sở tên là vô lượng phần, thì trong đó có bi, tùy hỷ. Chính cái bi đó được gọi là bất hại tư duy, có nghĩa là khi mình sống với tâm bi mãn thì mình không nỡ đập phá, xé bẻ, đốt cháy. Khó lắm. Mình luôn luôn chọn giải pháp nào gọn

nhẹ, êm đềm, dễ thương nhất, bất bạo động, mềm mại nhất. Cái đó quan trọng lắm, quý vị!

Còn cái người sống trong tà tư duy thì thường thích cái này, bất mãn cái kia, đập phá cái nọ.

Kinh 123

Bây giờ mình qua Kinh 123. Tôi hôm nay nhớ thì nói, ai trong room làm được thì làm, công đức vô lượng. Còn nếu nhân duyên cho phép thì bản thân tôi sẽ làm việc này. Việc này đã được Phật tử Âu Mỹ và Á châu làm rồi, nhưng tôi vẫn rất muốn có thêm trăm ngàn lần công trình tương đương như vậy. Đó là Phật ngôn trích diễn, tức là chọn ra bài Kinh về đề tài nào đó. Thí dụ về môi trường, xã hội, nhà tù, nghiện ngập, phá thai, bạo lực gia đình... thí dụ như vậy. Thí dụ mình gom, mình dồn nó thành từng chương, thành từng cuốn, hoặc mình lựa những bài Kinh mình cho là tinh hoa của Phật pháp làm thành một cuốn. Công trình trích diễn, chắt lọc này nhiều người làm lắm rồi. Tôi có thấy Thái Lan làm, rồi Anh, Mỹ, Tích Lan, rồi Việt Nam hình như cũng có luôn.

Tại sao mới bắt đầu bài Kinh 123 mà tôi nói chuyện này, là bởi tôi đang có một thiết tha, một hoài vọng, tham vọng là muốn làm một quyển gọi là Tinh hoa Tam Tạng theo nhận thức của tôi. Mà tinh hoa đây không phải để đọc không mà để tụng luôn mỗi ngày.

Thí dụ bài Kinh Simsapa này: “Này các tỳ-kheo, điều ta giác ngộ nhiều như lá trong rừng, nhưng mà điều ta nói ra thì ít như lá trong một nắm tay. Vì sao vậy? Vì ta chỉ nói ra những điều gì dẫn đến giải thoát”.

Hoặc là có một Kinh nữa: “Này các tỳ-kheo, sẽ có một ngày những điều bị gán ghép là lời Phật thật ra không phải là lời ta nữa. Tất cả chỉ là những nhãn hiệu mà thôi, như cái trống cũ bị thay thế phần gỗ cũ bằng gỗ mới, da cũ bằng da mới. Lâu ngày cái trống ấy vẫn giữ được tên cũ nhưng nó đã không còn là cái trống cũ nữa. Giống như

sẽ có một ngày những lời tà mị của dân gian, của các thi sĩ, của các nhà văn được gọi là Phật pháp chứ không phải là lời của ta, không có nội dung nghĩa pháp trong đó”, v.v... và v.v...

Những bài Kinh như vậy rất là đáng để mình gom lại một cuốn, tụng mỗi ngày. Nghe! Lỡ như có ai đó tìm đến với Phật pháp, mình đưa họ mỗi cuốn đó. Chứ có đâu, trời đất ơi, quý vị biết tui nói ra mà tui mang nhục. Bây giờ có nhiều người họ gặp, họ hỏi tôi kiếm dùm cho họ cuốn sách Phật học mà dành cho người sơ cơ. Tôi tìm đồ con mắt. Nếu tôi móc mấy cuốn A-tỳ-đàm, mấy người sơ cơ làm sao hiểu. Còn không, cho tôi được phép “úp mặt xuống churen của thiên hạ”, cho tôi được nói lời khó nói, nói lời đau lòng là có rất nhiều cuốn Kinh Việt Nam, tiếng Việt đã là không ra tiếng Việt, chấm phết không ra cái gì thì đừng nói chi ý tứ, câu cú trong đó. (Tôi không dám giới...

...thiệt cho ai hết, mà nội dung thì nghèo nàn, ba thứ cúng bái, cầu nguyện nó kỳ quá.

Rồi chưa kể nội dung kinh tụng của mình mỗi ngày cứ toàn là những thứ xa vời Phật pháp không. Trong kinh, chuyện niệm Phật cũng là một đề mục quan trọng, nhưng không thể lấy chuyện đó đẩy thành nội dung của cả một quyển kinh tụng. Mỗi ngày gì đâu mà cứ niệm oai lực của Tam bảo, oai lực của chư thiên, xin cho con được vầy, được kia.

Các vị biết không, đó là thứ nội dung cực kỳ xa xôi với Phật pháp. Mà đa phần Phật tử mình bây giờ mỗi ngày phải chống mộng mà tụng thứ kinh đó. Tôi không dám chê công trình của tiền bối, nhưng hôm nay đã đến lúc chúng ta phải nói thiệt với nhau chuyện đó, nhe. Hồi nãy tôi đã lễ phép xin được nói rồi.

Cho nên trước khi giảng Kinh 123 này, tôi nói thiệt. Bài kinh này thấy nó ngắn ngủn, có một khúc, nhưng khi Thế Tôn nói ra kinh này thì 10.000 vũ trụ đều đồng loạt rung lắc. Gớm chưa?

Thì nếu chúng ta có làm quyển kinh nhật tụng mỗi ngày, hay làm quyển Phật học trích giảng, hay Nội dung Kinh Phật, hay cái gì đó, thì chúng ta phải nên lưu ý những bài kinh này. Vì sao? Là vì đây mới là nội dung Phật pháp, đây mới đúng là Pháp nhũ Phật thân, nghe!

Bài kinh Điện thờ Gotama

Ngày xưa, truyền thuyết cho rằng có một con quỷ dạ xoa tên là Gotama. Nó rất linh hiển nên người dân kinh sợ lập miếu thờ.

Đức Thế Tôn trong 20 năm đầu sau khi thành đạo, Ngài thường sống ở các miếu mạo, điện, đền, tiếng Pali là devakula. Lúc đó chùa miếu không nhiều. Thỉnh thoảng Ngài ở đền (...), thỉnh thoảng ở đền Sārandada, thỉnh thoảng ở đền Gotamaka.

Duyên khởi bài kinh này là sao?

Trong thời Thế Tôn còn tại thế, trong hàng ngũ Tăng già của Ngài toàn là tòng long ngọ hổ: vua chúa, tướng quân, đại gia “đông như quân Nguyên”. Có nhiều khi 500 tỷ kheo trước mặt Ngài là trong đó có năm bảy ông vua, năm bảy vị nguyên soái.

Chẳng hạn trong Trung Bộ kinh số 1 là bài “Căn bản Pháp môn”, thì duyên sự bài kinh này y chang duyên sự bài kinh Căn bản Pháp môn.

Có nghĩa là thời của Ngài, bên cạnh vua chúa, tướng quân, công hầu khanh tướng, đại gia, mệnh phụ phu nhân xuất gia, có rất nhiều học giả, trí thức cũng xuất gia. Khổ một nỗi, nhiều ông đem kiến thức của mình vào đạo, lấy tri thức đời làm nền để học đạo thì quá tuyệt. Nhưng có nhiều người, kiến thức đời thành ra cái sở tri chướng, thành ra cái chướng ngại cho phần đạo học. Nghĩa là lấy cái giỏi ngoài đời học thêm một mớ Phật pháp rồi tự cho mình là cái rốn của vũ trụ. Từ đó không coi ông sư khác ra gì, thậm chí có những vị còn nghĩ như vậy: “Thế Tôn cỡ nào thì mình cũng cỡ này”. Khiếp như vậy!

Rồi không thèm đến nghe pháp. Cứ đắp y xong, tới giờ đi bát, xong rồi kiểm gốc cây nào đó ngồi, rồi cứ gật gù lim dim vậy đó, chớ đâu cần đi nghe thêm cái mới. Bởi vì thấy đức Phật hình như Ngài cứ giảng tới giảng lui.

Tại sao Ngài giảng tới giảng lui? Tại vì cái não trạng những người tới lui với Ngài có điểm giống nhau. Cho nên các vị này không đến học pháp. Mà Phật mà họ không đến nghe thì nói gì đến những vị khác.

Thế là để họ không còn tự đại, kiêu ngạo kiểu đó nữa, Ngài đã kêu họ tới. Trong bài kinh Căn bản Pháp môn thì Ngài giảng cho họ nghe những điều mà trước đây họ chưa từng tưởng tượng ra nổi.

Tôi ví dụ, các vị còn nghe rõ không?

Trong kinh Căn bản Pháp môn, đức Phật hỏi thế này:

“Ta nghe nói các người gồm 500 tỷ kheo là những học giả lớn về Bà-la-môn giáo và nay là những vị tỷ kheo tinh thông Phật ngôn, có đúng vậy không? Và Ta nghe rằng các người đã vì lòng kiêu mạn mà không chịu nghe Phật pháp. Thôi thì hôm nay hãy lắng nghe cái này.”

Rồi Ngài giảng:

“Kẻ vô văn phạm phu biết ba mớ về đất, nước, lửa, gió, biết ba mớ về 5 uẩn, biết ba mớ về 12 xứ, biết ba mớ về Bốn đế và 12 duyên khởi. Họ nhìn thấy cái ‘tôi’ của họ trong những cái họ học được. Họ thấy cái biết của họ chính là những cái đó. Và những cái đó chính là những cái biết của họ.

Ta nói rằng thực ra họ không hiểu gì hết về những cái họ đã học đâu. Là vì sao? Là vì ngày nào họ còn nhìn nó từ quan điểm của một cái tôi, họ còn nhìn thấy một cái tôi trong đó, họ còn thấy nó là của tôi, thì rõ ràng họ chưa hiểu những cái họ đã học thực ra đó là cái gì. Vì nội dung và lý tưởng rốt ráo của nền phạm hạnh này chính là sự lìa bỏ về một ngộ nhận sai lầm về một ‘cái tôi’ và ‘của tôi’.”

Họ nghe xong họ mới bật ngửa: “Ồ, thì ra bao nhiêu cái biết của mình, mình cứ soi vào trong đó từ góc độ ‘tôi và của tôi’, ‘tôi là’ mà cứ tưởng mình hay!”.

Tôi đã nói không biết bao nhiêu lần, tôi đã bất hạnh hay may mắn được diện kiến không ít những người học Phật được ba mớ, nhứt là cư sĩ mới ghê chứ. Học ba mớ rồi cứ ngồi cho mình là cái rún của vũ trụ. Cách họ ngồi trong cái pháp hội, mình nhìn là mình đã muốn động rồi.

Họ quên một điều rất là sơ đẳng, tiểu học, là Phật pháp dạy mình buông. Đẳng này anh lụm được ba mớ mà anh nắm chặt như một con khi, như vậy thì chết rồi, nhe!

Cho nên, kinh Nhất thiết căn bản Pháp môn, cái duyên khởi nó giống như kinh Điện thờ Gotama này, cũng là một nhóm tỳ kheo y chang như vậy. Có nghĩa là học được một ít, cứ tưởng mình là cái rún của vũ trụ. Khi đức Thế Tôn biết như vậy, Ngài mới gọi họ tới, Ngài giảng bài kinh này. Ngài giảng rất ngắn:

“Này các tỳ kheo, Ta thuyết pháp với thẳng trí, không phải với không thẳng trí. Ta thuyết pháp với nhân duyên, không phải với không nhân duyên. Ta thuyết pháp với thần thông, không phải với không thần thông.

Này các tỳ kheo, chính vì vậy nên những điều Ta dạy cần phải được thực hiện. Thật là vừa đủ để các thầy bằng lòng, vừa lòng. Là vì sao? Là vì các thầy chỉ cần nhớ rằng Thế Tôn là Chánh Đẳng Giác. Chánh pháp được Thế Tôn thuyết giảng một cách khéo léo. Đệ tử Tăng chúng Thế Tôn là những vị khéo hành trì.

Khi Thế Tôn thuyết giảng như vậy, các tỳ kheo ấy hoan hỷ lời dạy của Thế Tôn. Và ngay trong khi bài kinh này được thuyết giảng, một ngàn thế giới đều rung động.”

Tại sao vậy?

Nếu nội dung bài kinh này không được hiểu, không được giải thích thì mình ngạc nhiên: sao bài kinh ngắn ngủn vậy mà lại có sức chấn động lớn như vậy?

Xin thưa, là vì khi Ngài tuyên bố mấy điều này là Ngài tuyên bố bằng sự xác chứng của Phật trí, nhất thiết chủng trí. Lúc đó Ngài biết rất rõ Ngài là ai, giáo pháp Ngài là gì và chư thánh chúng gồm những người như thế nào. Điều này hơi tâm linh một chút.

Những người nào trong room đang nghe mà chưa từng nghe Phật pháp quen thì có vẻ hơi khó chấp nhận. Nhưng nếu một người quen nghe, tin đạo, hiểu đạo thì chuyện này rất là bình thường.

Tức là có những trường hợp khi Ngài nói, Ngài đá động đến sự thật quan trọng thì giây khắc đó — tất cả đều là sự thật, vì vị Chánh Đăng Giác luôn luôn nói lời sự thật — nhưng có những sự thật quan trọng là những điều động chạm đến tâm tư của đa phần chúng sinh. Nó không phải là vấn đề của một bộ phận nhỏ hữu tình. Lúc đó là những giây khắc Ngài có thể tạo ra những chấn động rất lớn.

Thí dụ như khi Ngài giảng Kinh Phạm Võng, khi Ngài giảng Kinh Ngọn Cờ. Ngài nói rằng:

“Này các tỳ kheo, chư thiên khi họ sợ hãi, họ nghĩ tưởng đến các thiên vương. Nhưng ta nói rằng khi nghĩ tưởng đến các thiên vương, có lúc họ hết sợ, có lúc họ vẫn còn sợ, là vì các thiên vương chưa có hết phiền não.

Riêng những ai tin tưởng vào Tam Bảo, khi sợ hãi hãy tưởng nhớ rằng Thế Tôn là bậc đã không còn phiền não, không còn sợ hãi. Chánh pháp này là con đường dẫn đến sự lìa bỏ sợ hãi, lìa bỏ phiền não. Và chúng Tăng đệ tử Thế Tôn là những vị đã đang đoạn trừ sợ hãi, đã chấm dứt sợ hãi, đã chấm dứt phiền não hoặc là đang trên đường hành trì để chấm dứt phiền não, chấm dứt sợ hãi. Thì ta nói rằng điểm tựa tinh thần này đáng kể hơn là hình ảnh của các thiên vương.”

Thì ngay khi Thế Tôn xác nhận sự thật này thì một ngàn vũ trụ đều rung động.

Kinh này cũng vậy. Khi các tỳ kheo kiêu ngạo, tự thị, họ cho rằng cái biết của họ là đủ rồi, Ngài biết họ là người trí thức, trí tuệ mà, trong một khoảnh khắc nhất thời họ kiêu ngạo vậy thôi mà mình nói khẽ, nói nhẹ nhẹ họ hiểu. Cho nên Ngài nói rằng:

“Này các tỳ kheo, cái pháp mà ta giảng không như các người nghĩ đâu. Nghĩa là không phải ngẫu nhiên, tức thời mà ta nói như vậy. Mà tất cả pháp ta giảng là với thẳng trí chớ phải không thẳng trí.”

Nghĩa là với sự giác ngộ thật sự của Ngài về Uẩn, Xứ, về Đế, về Xúc, Thọ, Tưởng, Tư một cách triệt đế, hoàn toàn. Những điều Ngài nói ra bằng sự chứng ngộ, sự thân chứng, bằng sự thể nghiệm. Chớ không phải bằng sự lý luận suông, bằng kiểu vò đầu bứt tóc của phàm phu thao thức qua nhiều đêm, nhờ trà, nhờ thuốc rồi nghĩ ngợi ra rồi đem giảng cho đời.

Mà đây là sự thân chứng, trải nghiệm của một người đã trải qua vô lượng kiếp tu tập, học đạo dưới chân không biết bao nhiêu vị Phật. Đã bỏ bao nhiêu máu xương để có phút giây đại ngộ dưới gốc Bồ đề!

Chính trong Kinh Sư Tử Hống, Trung Bộ, Ngài dạy:

“Này các tỳ kheo, những điều mà ta đã thuyết giảng từ đêm thành đạo cho đến đêm Niết-bàn, trước sau chỉ có thể nói như vậy. Chính ta cũng không thể nói khác đi được.”

Đặc biệt như vậy, vì sao? Vì những điều đó không phải do Ngài tưởng tượng, suy diễn, Ngài lý luận suông, mà đó là những điều Ngài nhận ra bằng giây phút thân chứng, thể nghiệm được đối bằng máu và lệ của vô số kiếp tu hành dưới chân bao nhiêu vị Chánh Đẳng Giác.

Thuyết pháp với nhân duyên

“Thuyết pháp với nhân duyên, không phải với không nhân duyên” là sao? Tiếng Pali là (...), tức là “có lý do”, “có mục đích”. Không có điều nào ta nói một cách ngẫu

hứng nhất thời. Tất cả đều có lý do, đều có mục đích. Thí dụ trong trường hợp này tại sao ta nói như vậy, tại sao trường hợp kia ta lại nói khác.

Chứ không phải như thế gian. Thế gian như mình học về một ngành, một chuyên môn nào đó, có thể đó là giây phút phát hiện do ông Tổ nào đó, nhà khoa học nào đó, một học giả nào đó. Nhưng riêng trong Phật pháp, điều Đức Phật thuyết giảng là có được từ trí tuệ tinh hoa đúc kết từ tuệ giác của vị Chánh Đẳng Giác đã đành rồi, mà ngay khi thuyết giảng, Ngài cũng thuyết giảng có cơ sở, có lý do, nguyên nhân, điều kiện, có hoàn cảnh. Chớ không phải là như phàm phu mình thích thì nói.

Thuyết pháp với thần thông

Ngài “thuyết pháp với thần thông, không phải với không thần thông” là gì? Tiếng Pali là (...) có nghĩa là “ảo diệu”. Đức Phật sử dụng tất cả sự ảo diệu của ngôn ngữ, sự ảo diệu của kỹ thuật thuyết giáo, mà nếu mình học kinh một cách hời hợt mình không thấy ra cái này.

Thí dụ, có nhiều bài kinh người ta hỏi một đường, Ngài trả lời một nẻo, là vì Ngài nhìn xuyên thấu, Ngài thấy cái người này nè, hôm nay họ là như vậy đó. Nhưng vô số kiếp về trước họ đã từng tu học, đã từng hành trì, họ đã từng có những kinh nghiệm tâm linh như thế nào. Những thứ đó làm nên căn cơ hiện tại của họ. Bây giờ họ hỏi như vậy, ta nên trả lời bằng cách gợi ý này, thì hạt giống Bồ đề kia sẽ lập tức nảy mầm, vươn mình đứng dậy ngay. Nghe!

Còn nếu không là bậc Chánh Đẳng Giác thì khó bề biết được điều này. Tôi xài chữ “khó bề” là tôi trừ ra một vài người như ngài Xá Lợi Phất, ngài Mục Kiền Liên. Chớ còn ngoại trừ hai vị này thì không ai có khả năng làm chuyện đó hết.

Có nghĩa là nhìn chúng sanh, mình thấy có người có cái trí nhanh như vậy đó là người trí tuệ nhiều. Nhưng ở giữa hai người thông minh, mình nên có hai cách nói khác nhau. Rồi ở giữa hai người nặng về niềm tin, mình cũng phải chọn cách nói

khác nhau. Chớ không phải thấy hai người cùng thông minh mình lựa cùng một cách nói, vì thông minh của thằng Tèo không giống cái thông minh của thằng Tý.

Trong trường hợp đó, Đức Phật Ngài dạy: “Ta thuyết pháp với thần thông chớ không phải không có thần thông” là vậy. “Thần thông” đây không hiểu là phép lạ, mà là cái skill, cái ảo diệu, cái thiện xảo của Ngài.

Trong Chú giải có ghi rõ. Thần thông có ba: một là Biến hóa thông, hai là Tha tâm thông, ba là Giáo hóa thông.

Một là Biến hóa thông, là khả năng dời non lấp biển, đi mây về gió, thăng thiên độn thổ, biến hiện cái này cái kia. Ngài dạy cái này là kết quả đương nhiên của người chứng thiền chớ không có gì đặc biệt. Ngài dạy có những người luyện bùa chú cũng có thể làm được những chuyện đó. Cho nên Ngài không tán thán vấn đề Biến hóa thông.

Hai là Tha tâm thông, là người với khả năng thiền định của mình biết được tâm tư người khác đang nghĩ gì. Ngài nói rằng cái này có thì tốt, không có thì thôi, chớ nó không phải là tinh hoa của Phật pháp.

Ba là Giáo hóa thông, là sự ảo diệu trong ngôn từ. Nói làm sao giúp cho người ta từ một người không có trí tuệ, không chánh niệm, không niềm tin, không tâm, không úy, mà giúp cho họ có được những cái đó. Ngài gọi đó là thần thông ảo diệu chỉ có trong thời kỳ Chánh Đẳng Chánh Giác. Nói làm sao

Giúp người ta thay đổi thành con người mới, sống tốt hơn, an lạc hơn trong đời này, trong kiếp sau. Ngài dạy đây mới chính là thần thông quan trọng nhất mà tất cả chư Phật muốn hướng dẫn chúng sinh.

Còn chuyện thăng thiên độn thổ, dời non lấp biển, đọc được tâm người nghe thì hay thiệt, nhưng thứ nhất là những thứ này Phật không ra đời thì nó vẫn cứ tồn tại ở đời.

Thứ hai, những việc này tác dụng của nó trong việc tế độ chúng sanh không nhiều bằng loại thần thông thứ ba là Giáo hóa thông, giúp người ta từ bờ mê sang bến giác.

Cho nên, một vị thiền sư khi được hỏi vì sao không thấy tăng ni, Phật tử, hành giả hóa hiện thần thông, mà thiền viện mọc lên đông như nấm, hành giả “đông như quân Nguyên”, mà sao thấy toàn là lừa dối, đi đứng chậm chạp, mà không thấy thần thông phép lạ gì.

Thiền sư trả lời: Phép lạ có hai ba nghĩa chứ không phải một nghĩa. Phép lạ là làm những chuyện kỳ quái không ai làm được. Nhưng có trường hợp nữa, phép lạ là làm thay đổi những điều ta tưởng chừng không thể thay đổi.

Thí dụ, trước đây mọi người sống trong tham, sân, si, trong tật hiềm, ganh tị, nhỏ mọn, ích kỷ. Bây giờ nhờ con đường chánh niệm, trí tuệ, người ta sống biết yêu thương, bao dung, tha thứ, sống trong tỉnh thức, sống trong hiểu biết, thương yêu. Đó chính là phép lạ của đạo Phật.

Ngài nói: Bây giờ tôi có dẫm trên than, trên lửa, trên nước thì nhìn sướng thiệt, nhưng quý vị được gì từ khả năng đó của tôi? Nhưng nếu tôi và từng người trong Pháp hội này, trong thiền đường này đều đi đứng nằm ngồi trong tình thương, trong cảm thông, trong hiểu biết, trong chánh niệm, thì hình như những con người đó cần cho thế giới này hơn, có đúng không?

Chữ “thần thông” đây phải hiểu nghĩa rộng bao la như vậy. Các vị nhớ nghe!

Bài kinh rất ngắn nhưng trong Chú giải giải thích rất sâu. Là với nội dung như vậy:

“Này các tỳ kheo, các người phải vui là vì giáo pháp các người được học mấy hôm nay, giáo pháp đó được tuyên thuyết bởi một vị Chánh đẳng chánh giác. Các người được có mặt trong một tăng đoàn hoàn hảo. Đời sống tâm linh các người được nuôi dưỡng bởi một dòng suối chánh pháp do một vị Chánh đẳng giác như ta thuyết giảng.

Các người phải lấy đó làm vui tiếp tục đi tới, chứ không phải lấy đó làm điều quan trọng rồi tự thị, cao ngạo, lấy đó làm đủ rồi coi mình là cái rốn của vũ trụ”.

Khi Thế Tôn thuyết giảng ngắn gọn như vậy thì một ngàn vũ trụ đều rung động. Là vì sao? Là vì đối tượng đang nghe Ngài lúc đó không chỉ riêng mấy trăm vị tỳ kheo kiêu ngạo kia đâu, mà còn là một tỷ chúng sanh khác, cũng tới nghe Phật pháp ba mớ rồi chấp y chang như mấy vị này vậy. Họ nghe ba mớ, có giới ba mớ, có định ba mớ, có tuệ, có niệm, có niềm tin ba mớ, có tâm, có úy ba mớ, cứ tưởng ba mớ đó là ngon lành. Nhưng gom tất cả lại nó chỉ là một mớ thôi, mà chỉ có người nắm mớ mới chấp nhận cái ba mớ thôi, nghe!

Khi Ngài nói ra sự thật này làm cho cả ngàn vũ trụ rung động là vì Ngài đã chạm vào một sự thật: tất cả chúng sanh trong đời này toàn là dân ba mớ không. Nó có chút nhan sắc, chút tiền nghĩ là đủ. Có chút học thức, chút bằng cấp nghĩ là đủ rồi. Có chút tiếng tăm, quyền lực, chút địa vị cho là đủ rồi. Có chút sức khỏe, chút vai vế trong đạo, ngoài đời như vậy là đã đủ rồi. Cúng ba mớ là đại thí chủ rồi. Dâng y một hai mùa là đại thí chủ rồi. Ngồi thiền vài ba lần là coi như hành giả rồi.

Các vị thấy không, bài kinh này không phải Ngài giảng chỉ cho mấy vị tỳ kheo kiêu ngạo đâu, mà Ngài đang đánh vào tâm thức tột nguyên ba mớ của vô lượng chúng sinh trong nhiều đời, nhiều cõi đang có mặt trong thời điểm đó. Dễ sợ như vậy. Đây là lý do vì đâu kinh này tuy ngắn mà khi được thuyết giảng ra đã khiến cho “một ngàn vũ trụ thấy đều rung động lập tức”. Một bài kinh ngắn gọn nhưng đánh vào tâm thức u mê của người u mê!

Bài kinh Bharandu

Duyên sự bài kinh này rất lớn chuyện.

Các vị còn nhớ đức Thế Tôn trước khi thành đạo thì Ngài là một vị hoàng tử sống ở Kapilavatthu. Vậy mà khi đã là một vị Phật, đã là người xuất gia, là tu sĩ, thì Ngài trở

về bản quán ngày xưa. Lẽ ra trong cách nghĩ phạm tâm, phạm tình của mình thì thiếu gì lâu đài, villas để Ngài ở, đúng không? Vậy mà Ngài nói với một người chú họ:

“Hãy đi, này Mahanama, tìm xem trong Kapilavatthu này có chỗ nào để đêm nay Như Lai nghỉ lại được hay không”.

Mình đọc chỗ này mình thấy xúc động! Một ông hoàng trở về kinh đô xưa của mình, chối từ tất cả những chỗ dinh thự, cung điện, đi nhờ một người bà con cũng là gốc hoàng gia, đi tìm một chỗ trú tạm. Câu chuyện thực sự rất đẹp, nhưng đa phần Phật tử mình không đọc kinh, nếu có đọc cũng lướt qua chỗ này.

Trong Chú giải nói thêm là lúc đó Ngài biết đêm nay nên ngủ lại chỗ nào. Nhưng Ngài không muốn tự tìm mà muốn mọi người biết là Ngài nhờ người chú họ. Ngài chú nguyện rằng ông này tâm tư hãy lan man, đừng nghĩ ra chỗ nào hết ngoài ra chỗ này là chỗ mà Ngài muốn đến. Điều này hơi tâm linh chút, là có những trường hợp đặc biệt Ngài có dùng tí ti thần thông.

Thí dụ có câu chuyện: một bà hoàng hậu cả đời thờ Phật, tin Phật. Nhưng có một lần bà phạm lỗi ngoại tình với con chó cưng. Vua bắt gặp nhưng bà chối. Đến khi cận tử, bà bị ray rứt vì lỗi lầm này, cộng với đối gạt vua nên bị đọa xuống địa ngục. Do phước nhiều quá nên bà chỉ đọa có trong 7 ngày.

Trong lúc này, vua vì quá nhớ thương hoàng hậu, có khóc than với Phật rằng hoàng hậu một đời thờ Phật, giờ chết rồi không biết đi đâu. Lúc đó đức Phật biết rằng không nên nói cho ông biết là bà bị đọa nên Ngài có chú nguyện thế này: “Vua hãy quên câu hỏi đó đi”. Ngài chỉ chú nguyện trong bụng Ngài vậy thôi. Với tâm lực mãnh liệt vô bờ của một vị Chánh đẳng giác khiến cho vua tự nhiên chú ý đến âm thanh, màu sắc gì chung quanh mà khiến cho vua lơ đi chuyện đó.

Các vị có thể không tin, nhưng riêng tôi có những lần gặp người nào đó, không phải là phụ nữ mà có thể là một ông sư, một người thiện nam, mà nụ cười, ánh mắt, sự có

mặt của họ đã dịu tâm tưởng của tôi trôi về phương trời khác, về cái đề tài mà họ muốn. Nó lạ vậy, cái đó có thật.

Thí dụ, tôi có quen một vị thượng tọa bên Mỹ bên Bắc tông. Cứ gặp là vị này kể chuyện tếu, cứ gặp nhìn mặt miệng vị này là tôi mỉm cười rồi. Anh em lâu ngày gặp nhau thiếu gì chuyện để nói, mà hề vừa gặp là tôi cười cái đã. Bởi cái giỡn

Của vị này đã ngấm vào máu, đã tạo cái từ trường hài hước phủ sóng chung quanh rồi.

Ở đây cũng vậy. Với một người đạo hạnh cao thâm như Đức Phật, Ngài thừa sức tạo ra một từ trường như vậy để hướng dẫn suy nghĩ, cảm xúc của người khác. Dĩ nhiên con người đó phải như thế nào mới nhận được tác động cái từ trường từ Ngài. Chớ nếu ai cũng nhận được thì Ngài độ được cho tất cả thành Thánh hết hay sao. Phật lực vô biên, Phật trí vô lượng, Phật tâm vô cùng, nhưng không thể độ người vô duyên. Bởi họ không nhận được tín hiệu từ Ngài. Không có được password, passcode từ Ngài thì họ chỉ có căn lười chết thôi!

Ở đây, khi Đức Thế Tôn biết rằng sẽ có một pháp thoại quan trọng cho ông Mahanama này, pháp thoại đó phải được thuyết trong bối cảnh nào mới đem lại hiệu quả tốt nhất. Ngài nhờ, nhưng Ngài chú nguyện là ông Mahanama này hãy lan man tâm tư, đừng tìm ra chỗ nào khác ngoài ra chỗ đó.

Sau đó ông Mahanama mới nói:

“Bạch Thế Tôn, con chỉ tìm ra có một chỗ duy nhất. Đó là chỗ của một thầy tu ngày xưa có một thời là bạn tu của Ngài lúc Ngài chưa thành Phật.”

Trong bản Việt dịch ghi là:

“Bạch Thế Tôn, ở Kapilavatthu không có chỗ nào hôm nay Thế Tôn có thể ở lại đêm. Nhưng có một người tên là Bharandu trước tu Phạm hạnh với Thế Tôn...”

Chỗ này nếu không có Chú giải, ta rất có thể hiểu lầm “tu Phạm hạnh với Thế Tôn” có nghĩa là trước đây ông này từng là đệ tử của Thế Tôn. Trong Chú giải Pali ghi rõ là ông này trước đây là bạn tu cùng một thầy với Ngài trước khi Ngài thành Phật.

Đức Phật khi mới xuất gia, Ngài có hai vị thầy. Một là Alara Kalama, hướng dẫn Ngài đến tầng thiền Vô sở hữu xứ thì thôi. Và ông Uddaka Ramaputta, hướng dẫn Ngài tầng thiền Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Thì Chú giải ghi ông Bharandu mà đêm nay Thế Tôn có thể nghỉ nhờ là người Ngài cùng học với thầy Alara Kalama.

Khi đưa Đức Phật đến am, ngài Mahanama đánh lễ từ biệt Ngài. Đến sáng hôm sau, ông từ cung điện — ông cũng là ông hoàng — đến am đánh lễ Đức Phật. Đức Phật giảng cho ông nghe thế này:

“Trên đời có ba loại sư phụ.

Thứ nhất là loại sư phụ chỉ có khả năng nói về các dục mà không có khả năng nói về sắc pháp và các thọ.

Loại sư phụ thứ hai có thể trình bày về các dục, trình bày về sắc pháp, mà không có trình bày về các cảm thọ.

Loại sư phụ thứ ba có khả năng trình bày cả ba thứ.”

Bài này nếu mà không giải thích, các vị sẽ không hiểu được. Bài kinh này sâu vô cùng. Nó sâu tới mức không thể làm lơ trong đời học Đạo của mình. Riêng đoạn số 4 chính là tinh hoa của Phật pháp.

Sau khi Ngài kể ba loại sư phụ xong, Ngài hỏi ông chú họ Mahanama là ba ông sư phụ này có giống nhau không, có phải là một không. Thì ông am chủ Bharandu mới nói theo ông thì là một, ba ông sư phụ này giống nhau. Đức Phật Ngài nói:

“Không! Ba ông này khác nhau.”

Các vị thấy nguyên đoạn dài sọc, ba lần như vậy, ông am chủ cứ nói ba người là một. Ông am chủ nghe Thế Tôn trả lời vậy, cảm thấy bị mất mặt vì trước mặt một ông hoàng mà Thế Tôn không trọng thị mình nên bỏ đi.

Nhưng chuyện này không phải phần cần nói ở đây. Mà chuyện quan trọng đây là chuyện tùy duyên mà Đức Phật đã giảng cho ông Mahanama nghe ba hạng đạo sư ở đời.

Hạng đạo sư thứ nhất

Đa phần chúng sanh sống trong năm dục. Đức Phật dạy tâm thức — sáu thức — chúng sanh giống như sáu con vật: chim, cá, rắn, rít, chồn, cáo. Mỗi con này bị nhốt lại một chỗ, chỉ chờ cơ hội để thoát khỏi lồng: con chim bay lên trời, con cá lội xuống nước, chồn cáo về lùm bụi, rắn rít tìm về hang hốc.

Tuy mỗi con này bị nhốt chung một chỗ, nhưng chỗ đi về, chỗ hướng tới của sáu con vật này không giống nhau. Ngài dạy rằng sáu căn của mình cũng giống vậy. Nó luôn luôn trong tình trạng chờ chờ để tìm đến với sáu trần.

Các vị thử ngồi im nhắm mắt lại, mình tưởng đâu thanh tịnh, chứ không phải. Mắt tuy nhắm nhưng nó luôn sẵn sàng chờ hiệu lệnh của mũi, của tai. Chỉ cần lỗ tai nghe cái gì đó là con mắt mình mở ra liền. Đúng vậy không? Chỉ cần lỗ mũi nghe mùi khét khét là con mắt mở ra liền. Chỉ cần cái gì, con gì chạm vào da thịt mình là lập tức mở mắt ra liền. Mình thấy nóng quá, lạnh quá, cái gì chích đau quá là mắt mở ra liền.

Mà lỗ tai mình cũng luôn luôn trong tình trạng tổng động viên, tổng trừ bị, sẵn sàng trong tình trạng lên đường làm việc. Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, và dĩ nhiên là ý, cái tâm mình coi như không yên, nó lăng xăng, lăng xăng...

Như vậy, một người không có tu hành thì thường xuyên sống trong thế giới của năm dục. Luôn luôn kiếm tìm cái này, cái kia. Đa phần chúng sanh là như vậy.

Lâu lâu trên đời này mới lò ra được một người có khả năng dạy cho chúng sanh biết sống ngược lại với bản năng thị dục của mình. Đó là hạng sư phụ thứ nhất. Lâu lâu trong đời mới có một sư phụ biết dạy cho chúng sanh khả năng lìa bỏ thị dục của mình là sao? Có nghĩa là lâu lâu mới có một người mới hiểu ra sự thật và biết dạy cho người ta thấy rằng hình như là mình sống bớt thích thì bớt khổ.

Đó là ai? Là Trang Tử, Lão Tử. Mấy ông chỉ đề nghị thanh tâm quả dục. Thanh tâm là lòng trong sạch; quả là ít, dục là muốn. Tức là giữ lòng trong sạch, ít muốn thì bớt khổ. Thì Trang Tử, Lão Tử nhiều lắm là ông thầy thứ nhất thôi.

Quả dục đây là bớt ăn, bớt mặc. Chớ còn mấy ông cũng khuyên mình sống với mây ngàn gió núi, gió mát trăng thanh, uống trà, trồng lan, trồng kiểng, nuôi cá, nuôi chim. Khổ như vậy!

Bớt dục là bớt danh lợi, hưởng thụ nhà cao cửa rộng, quần là áo lụa, chăn êm nệm ấm, sơn hào hải vị... bớt những cái đó. Nhưng cũng còn mê man trong gió trăng thanh, đầu ghềnh cuối bãi, như bài thơ “Động hoa vàng” của Phạm Thiên Thư vậy. Mình đọc thấy mê, thấy danh lợi phù hư ảo hóa, nhưng ngẫm ngẫm lại, thấy kêu mình buông hết mà trong khi đó lại xúi mình về núi, cuốc sỏi trồng hoa, am tranh bên động hoa vàng, gió mát trăng thanh, rồi tụng kinh, gõ mõ, thờ Phật. Mấy ông kêu mình thì vậy.

Nhưng theo Phật pháp rốt ráo thì không! Theo Phật pháp rốt ráo thì từng giây phút hiện hữu, sáu căn phải luôn luôn được sống trong chánh niệm, chớ không gió mát trăng thanh gì hết trơn, nhe!

Nghĩa là ông thầy đầu tiên này chỉ dạy cho mình bớt thích thôi. Khá một chút thì ông dạy mình lìa bỏ năm dục để đắc chứng các tầng thiền. Ở đây Đức Phật đang nói đến bối cảnh tôn giáo và tâm linh của Ấn Độ, chớ không phải Trung Quốc. Nói đi cũng phải nói lại.

Văn hóa tâm linh của Ấn Độ cao hơn văn hóa tâm linh Trung Quốc rất nhiều lần. Bên Trung Quốc tới tằm của Lão, Trang, Dương Tử, Liệt Tử, của bốn nhà này là đã nhiều lắm rồi, là gần với Phật giáo rồi.

Tôi đề nghị bà con nên tìm đọc Đạo Đức Kinh của Lão Tử, Nam Hoa Kinh của Trang Tử, bản dịch của Nhượng Tống, còn Dương Tử và Liệt Tử bản dịch của cụ Nguyễn Hiến Lê luôn. Tuy nhiên, tinh thần ly dục của Tào không bằng Ấn Độ. Ly dục của Ấn Độ là bỏ hẳn năm dục để tu tập thiền Sắc giới. Đó là ông thầy thứ nhất.

Tôi đã nói rất nhiều lần, do căn thấp kém chúng ta mới còn quẩn quanh thế giới này qua năm cửa sổ vật chất. Chớ còn các vị Phạm thiên họ không cần. Họ nhìn thế giới này chỉ qua 10 thứ thôi, là đất, nước, lửa, gió, xanh, vàng, đỏ, trắng, hư không, ánh sáng.

Còn cõi dục này mình nhìn thế giới nào là đắng, cay, ngọt, bùi, xanh lá cây, xanh nước biển, xanh da trời, tím này tím kia, vàng này vàng nọ, tím lum hết. Nào kinh rạch, sông ngòi, cây cỏ, đại dương, con người, chim muông, súc vật, bò bay máy cưa đủ thứ. Còn Phạm thiên thì không, nhìn thế giới chỉ có 10 thứ.

Khi họ nhìn đơn giản như vậy thì họ mới có cái trí sâu, bởi càng gọn thì càng có chiều sâu. Gọn như giếng thì sâu như giếng, lan man như ruộng thì đành phải chịu cạn như ruộng. Nhớ nhe, đây là nguyên tắc.

Cho nên ông thầy đầu tiên này giỏi lắm chỉ dạy người ta ly dục để đắc thiền Sắc giới. Cho nên mới gọi vị đạo sư đầu tiên là trình bày sự biến tri mà không trình bày được biến tri của các sắc, không trình bày được biến tri của cảm thọ.

Nghĩa là ông dạy người ta biến tri, nghĩa là hiểu biết tới nơi tới chốn, dạy người ta thấy năm dục rất là tệ, nhưng ông không chỉ ra được cái tệ của sắc pháp và của các cảm thọ.

Ông thầy đầu tiên dạy người ta biết là bỏ niềm đam mê trong thế giới hưởng thụ, tôi đang diễn dịch kinh xưa bằng ngôn ngữ ngày nay, nhưng vẫn còn vướng kẹt trong thế giới vật chất.

Ông thầy thứ hai khá hơn một chút. Ông dạy người ta thấy rằng niềm đam mê vật chất, năm dục nó đáng trách mà cũng đáng chán. Đến cả thế giới vật chất, ngày nào còn đất còn nước, còn lửa còn gió, nó cũng là đáng chán. Chỉ có đời sống tâm linh, đời sống tinh thần thuần túy, không còn mảy may dấu vết vật chất, mới khá.

Thứ nhất là dạy người ta bỏ dục để đắc thiền Sắc.

Ông thầy thứ hai dạy người ta chán sắc pháp, tức là chán tất cả mọi dấu vết vật chất, để chứng đắc thiền Vô sắc. Nhớ nhé. Chỗ này không đọc Chú giải thì khó mà hiểu được.

Thiền Vô sắc thì không còn vật chất nữa, nhưng còn thọ và tưởng. Nhưng ở đây chỉ nói thọ là đủ rồi. Bởi vì không bao giờ có thọ mà không có tưởng, không bao giờ có thọ, tưởng mà không có xúc, không có tư. Chuyện đó không bao giờ có. Cho nên nếu cần chỉ nói thọ là đủ, nếu cần chỉ nói tưởng là đủ, nếu cần chỉ nói tư, nói xúc là đủ.

Xúc, thọ, tưởng, tư, bốn yếu tố này không rời nhau được, nên chỉ cần nói một là đủ rồi.

Tôi nhắc lại, trên đời này chúng sanh chia làm ba hạng.

Hạng thứ nhất là chìm sâu trong năm dục, cho nên có hạng đạo sư dạy người ta biết bỏ năm dục.

Hạng thứ hai khá hơn một chút, biết chán năm dục nhưng còn chìm sâu trong những hình thức vật chất vi tế, đó chính là Sắc giới. Từ đó lòai ra ông thầy thứ hai là có khả năng dạy người ta chán cái này.

Tới tầng thứ ba thì không có vị thầy nào, ngoại trừ ra chư Phật, mà có thể dạy cho người ta chán luôn đời sống tinh thần. Trong room có nghe kịp không ta? Tinh hoa Phật pháp là chỗ này.

Nghĩa là từ đó đến giờ mình nghe nói đời sống vật chất nông cạn, thấp kém đã đành, người Phật tử phải biết chú trọng đời sống tâm linh này nọ. Nhưng nếu nói Phật pháp rất ráo thì đời sống tâm linh được coi trọng vì nó là con đường giải thoát. Mà giải thoát rất ráo là không còn tiếp tục hiện hữu. Mà nếu không còn tiếp tục hiện hữu thì cả vật chất lẫn tinh thần, tâm linh gì đó, dẹp sạch.

Cho nên Ngài mới nói là ông thầy đầu tiên chỉ có khả năng dạy người ta ly dục thôi. Ông thầy thứ hai dạy người ta biết chán cái thiên Sắc giới để đắc thiên Vô sắc. Nhưng ông thầy thứ ba biết dạy người ta lìa bỏ tất cả những gì thuộc về tâm linh, tinh thần, có nghĩa là cảm thọ, xúc, tưởng, tư là bỏ hết.

Tại sao ở đây Ngài chỉ nói thọ mà không nói mấy cái khác? Hồi này tôi đã nói rồi. Thứ nhất là xúc, thọ, tưởng, tư, bốn ông này không có rời nhau. Chỉ cần Ngài nói một là đủ đại diện cho ba ông kia rồi.

Điều thứ hai, năm uẩn là trong đó có sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Tuy nhiên có những trường hợp đặc biệt Ngài nói toàn bộ vũ trụ này nó chỉ là thế giới của cảm thọ thôi. Nói như vậy không có sai.

Có lúc Ngài nói toàn bộ vũ trụ này nằm trong cái tư thôi. Tức là do bất thiện tư ta đi về bốn cõi địa. Do thiện tư ta đi về các cõi nhân thiên dục giới. Mà thiện tư trong đạo đại ta sanh về các cõi Phạm thiên. Rồi giải thoát tư, có nghĩa là cái (...) trong Vipassana, mà người ta chấm dứt sanh tử. Như vậy toàn bộ thế giới này nó chỉ nằm trong (...) thôi.

Nhưng có lúc Ngài nói thế giới này nằm trong thọ là sao? Là bởi vì có người buồn vui dựa trên năm dục. Có người buồn vui dựa trên các tầng thiên Sắc giới và Vô sắc.

Chính vì trình độ cảm xúc, cảm thọ của mỗi giai tầng chúng sinh mà chúng sinh đã có đời sống, đã có hạnh nghiệp không giống nhau.

Người thì thấy vui khi được ăn ngon. Có người vui khi được mặc đẹp. Có người vui khi được ở nhà cao cửa rộng. Có người vui khi được vòng vàng nữ trang. Có người vui khi được nổi tiếng, khi có quyền lực, khi có địa vị, khi được nhiều người biết tới. Có người vui khi được đi nhiều, thấy nhiều, biết nhiều. Có người vui là vì sở hữu được nhiều thứ tài sản, nhà đất.

Mỗi chúng sanh có kiểu vui, kiểu buồn không giống nhau. Từ đó lý tưởng sống, kiểu hành động mỗi người cũng không giống nhau. Chính vì kiểu sống, kiểu hành động, lý tưởng không giống nhau, cho nên mai rồi tất thử mỗi người có chỗ đi về cũng không giống nhau.

Nếu nói vậy rõ ràng chỉ riêng cảm xúc đã đủ lớn chuyện rồi, quý vị nghe kịp không? Lớn chuyện lắm!

Cho nên tùy chỗ. Có chỗ Đức Phật nói thế giới này là năm uẩn. Có chỗ Ngài nói thế giới này là danh và sắc, tức là tinh thần, vật chất, là hồn và xác. Có chỗ Ngài nói thế giới này là sáu căn, sáu trần. Tùy vào căn cơ của người đối diện mà Ngài phân tích thế giới này nó ra làm mấy. Nhớ chỗ này!

Bài kinh này tuy ngắn nhưng rất là sâu.

Ngài nói trên thế giới có ba loại chúng sinh.

Nhóm một là chỉ biết đam mê trong dục, cho nên mới lòi ra ông thầy biết dạy người ta chán dục.

Nhóm hai khá hơn. Họ biết chán dục nhưng còn đam mê trong các tầng thiền Sắc giới. Từ đó mới lòi ra ông thầy thứ hai, biết dạy người ta lìa bỏ cái Sắc để đắc cái thiền Vô sắc.

Nhóm thứ ba là chán luôn cả Danh lẫn Sắc, mà muốn chấm dứt sanh tử, hướng đến sự giải thoát triệt để. Khi có nhóm thứ ba này, tự nhiên có ông thầy thứ ba, có khả năng dạy cho người ta lìa bỏ toàn bộ cái gì thuộc hiện hữu, dầu là Danh hay Sắc.

Như vậy, tổng cộng trên đời có ba nhóm chúng sinh, từ đó nảy ra ba bậc thầy khác nhau. Và bài kinh này còn sâu một chỗ nữa là: “Chúng ta là ai thì chúng ta có thầy cỡ đó, có bạn cỡ đó”. Nghĩa là chúng ta là ai thì chúng ta có kiểu thầy, kiểu bạn tương ứng với trình độ đó.

Ngược lại, ai trên đời này cũng có khả năng làm bạn, làm thầy của người khác, dĩ nhiên là trong trình độ tương ứng. Mình đừng nói một người không biết chữ không có khả năng làm thầy. Có chứ! Nó cũng có thể dạy người khác biết nặn đất sét, làm lưỡi câu, cách mò cua, cách bắt ốc, cách bơi lội, cách làm bè chuối để qua sông, cách hái dừa, cách cột dây lạt...

Thằng dốt cũng có khả năng làm thầy người khác, cũng có khả năng làm bạn người khác. Thằng giỏi cũng có khả năng làm thầy và cũng có khả năng làm trò, làm bạn với người khác. Có một điều là: “Ngưu tầm ngưu, mã tầm mã, thủy ngân tìm thủy ngân”.

Rồi, chúc các vị một ngày vui. Tôi đã giảng xong hai tiếng đồng hồ và hẹn các vị Chủ nhật.

Tôi nói lại lần nữa, tại sao ta học Kinh tạng? Về phía tôi, lâu lâu tôi mới đọc Chú giải một lần. Bây giờ vì lớp học, cho nên ngày nào tới bài giảng tôi phải vô đọc Chú giải, đó là cái lợi cho tôi. Cái lợi thứ hai, nếu không có lớp này thì bà con gặp mấy bài kinh này đọc mà hiểu, tôi chết liền!

Chúc các vị một ngày vui!